TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC I - THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 306/2026/HS-ST
Ngày: 28/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuyên
2. Ông Trịnh Xuân Tính

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký, TAND khu vực 1 -Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 296/2026/TLST-HS ngày 03/7/2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1115/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1054/2026/HSST-QĐ ngày 13/8/2026 đối với bị cáo:

Vũ Hoàng P, sinh năm 1993
Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Lô A MBQH H, phường Q, tỉnh Thanh Hóa. CCCD số 035093008948
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Vũ Văn L, sinh năm 1965; con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1970; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1998. Có 01 con, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thuế cơ sở 1 tỉnh Thanh Hoá
Địa chỉ: Số C đường P, phường H, tỉnh Thanh Hoá
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T – Giám đốc
Người làm chứng:
1.Anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1994
Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, phường Q, tỉnh Thanh Hoá
2.Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998
Nơi thường trú: Lô A MBQH H, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.
3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988
Nơi thường trú: Phòng A, tầng A tòa A chung cư T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.
4. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1990

Nơi thường trú: Tổ dân phố A, đường Q, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần bất động sản L (Công ty L), mã số doanh nghiệp B1. Địa chỉ tại tầng C, 4 lô 88+89 đường T, phường Q, tỉnh Thanh Hóa được thành lập ngày 06/10/2022, ngành nghề hoạt động chính là môi giới bất động sản. Công ty có 03 cổ đông đứng tên góp vốn gồm: Vũ Hoàng P, Nguyễn Thị H (vợ P) và Nguyễn Viết D (anh rể P).

Hội đồng quản trị gồm: Nguyễn Viết D - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật; Nguyễn Thị H là thành viên Hội đồng quản trị; Vũ Hoàng P - Tổng Giám đốc và là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty L. Đến tháng 9/2025, P bổ nhiệm Cao Xuân T2, sinh năm 1983, trú tại thôn X, xã Q, tỉnh Thanh Hóa - làm Giám đốc và nhờ đứng tên là người đại diện theo pháp luật thay Nguyễn Viết D.

Về tổ chức Công ty gồm có: Giám đốc các khối kinh doanh, giám đốc nhân sự... bên dưới được chia thành các khối văn phòng, khối phòng kinh doanh gồm: Khối đầu chủ là người liên hệ chủ bất động sản cần bán. Khối đầu chủ được chia thành nhiều phòng, đứng đầu là các Trưởng phòng đầu chủ. Khối Đầu khách là người liên hệ tìm người có nhu cầu mua bất động sản. Khối đầu khách được chia thành nhiều phòng đứng đầu là Trưởng phòng đầu khách. Cầu nguồn là người trung gian liên hệ với chủ bất động sản cần bán và giới thiệu với đầu chủ của công ty (nếu có).

Về hoạt động kinh doanh: Từ khi thành lập mọi hoạt động của công ty đều do Vũ Hoàng P điều hành, chỉ đạo. P là người trực tiếp quản lý con dấu, USB, Tuken có đăng ký chữ ký số với Cơ quan thuế và tự phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh trong các báo cáo tài chính, báo cáo thuế. P tạo lập và sử dụng ứng dụng Google Drive để quản lý và theo dõi hoạt động của công ty, chỉ những ai được cấp quyền truy cập mới vào được ứng dụng và xem được các dữ liệu theo nội dung được P cấp quyền. Theo quy định do Vũ Hoàng P đưa ra các Đầu chủ là người liên hệ tìm người có nhu cầu bán bất động sản, sau đó báo cáo nguồn hàng để nhập vào "Kho hàng tổng" trên ứng dụng Google Drive do Vũ Hoàng P thiết lập và cấp quyền truy cập cho các nhân viên. Các nhân viên đầu khách sẽ có trách nhiệm đi tìm khách hàng có nhu cầu mua bất động sản, phối hợp cùng với đầu chủ để cho chủ và khách ký hợp đồng mua bán.

Quá trình tư vấn, môi giới giao dịch bất động sản. Năm 2023 đến đầu năm 2025 khi môi giới bán được các sản phẩm bất động sản, P chỉ đạo các nhân viên kinh doanh là Đầu chủ thu tiền của khách hàng sau đó chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của trợ lý tổng giám đốc là Nguyễn Thị T1 (giai đoạn từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2023 và từ tháng 6/2024 đến nay) số tài khoản 0803888333 tại Ngân hàng O chi nhánh T4; tài khoản số 42920597 tại Ngân hàng A chi nhánh T4 và tài khoản Vietinbank số A1; chuyển tiền đến tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị M1 (từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024) số tài khoản 0972163133 tại Ngân hàng O chi nhánh T4. Sau đó các trợ lý tổng giám đốc là Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị M1 tính toán tiền hoa hồng được hưởng để thanh toán tiền cho các Đầu chủ; Trưởng phòng đầu chủ;

Đầu khách; Trưởng phòng đầu khách và cầu nguồn theo công thức đã được P quy định, cụ thể:

- Đối với người không ký hợp đồng nhận lương chốt thành công giao dịch:

+ Giai đoạn từ khi thành lập đến tháng 5/2024: Chia hoa hồng cho các cá nhân trực tiếp thực hiện 80% (gồm: Đầu khách 32%; Trưởng phòng đầu khách: 16%; Đầu chủ 24%; Trưởng phòng đầu chủ: 08%), công ty được hưởng 20% hoa hồng.

+ Giai đoạn từ tháng 6/2024 đến nay: Chia hoa hồng cho các cá nhân trực tiếp thực hiện 82% (gồm: Đầu khách 36%; Trưởng phòng đầu khách: 14%; Đầu chủ 24%; Trưởng phòng đầu chủ: 08%), Công ty được hưởng 18% hoa hồng.

Trường hợp giao dịch có cầu nguồn thì sẽ trích 10% tổng hoa hồng, số còn lại chia theo tỷ lệ của công thức trên.

- Đối với người nhận lương của công ty chốt thành công giao dịch:

+ Giai đoạn từ khi thành lập đến tháng 5/2024: Chia hoa hồng cho các cá nhân trực tiếp thực hiện 30% (gồm: Đầu khách 12%; Trưởng phòng đầu khách: 06%; Đầu chủ 09%; Trưởng phòng đầu chủ: 03%), Công ty được hưởng 70% hoa hồng.

+ Giai đoạn từ tháng 6/2024 đến nay: Chia hoa hồng cho các cá nhân trực tiếp thực hiện 41% (gồm: Đầu khách 18%; Trưởng phòng đầu khách: 07%; Đầu chủ 12%; Trưởng phòng đầu chủ: 04%), Công ty được hưởng 51% hoa hồng

Trường hợp giao dịch bất động sản có cầu nguồn thì sẽ trích 05% tổng hoa hồng, số còn lại chia theo tỷ lệ của công thức trên.

Đối với số tiền hoa hồng chia về công ty sau khi tổng hợp được trợ lý tổng giám đốc giao lại cho P để quản lý sử dụng. Sau khi trừ đi các chi phí như chi trả lương cho nhân viên, thuê nhà, trả tiền điện nước, văn phòng phẩm, còn lại P sử dụng.

Các giao dịch môi giới bất động sản thành công được P nhập vào ứng dụng Google Drive để theo dõi thu, chi và lợi nhuận nhưng không cấp quyền truy cập cho Nguyễn Viết D, Nguyễn Thị H nên D và H không biết được số liệu tình hình kinh doanh thực tế của Công ty cổ phần bất động sản L.

Quá trình điều tra, xác định từ năm 2023 đến đầu năm 2025, Công ty cổ phần bất động sản L đã thực hiện môi giới thành công nhiều giao dịch bất động sản và thu tiền của khách hàng, sau đó được các đầu chủ chuyển vào tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị M1 với tổng số tiền là 2.875.500.000 đồng. Sau đó được chia cho các cá nhân tham gia môi giới theo công thức như trên với số tiền 2.025.209.000 đồng nhưng không được kê khai, hạch toán thuế, trốn thuế với số tiền là **364.200.480 đồng**.

Từ năm 2025 đến nay Vũ Hoàng P yêu cầu các nhân viên kinh doanh khi thu được tiền của khách hàng phải nộp vào tài khoản của Công ty L để hạch toán, kê khai thuế và thuê Nguyễn Thị N làm kế toán. P đưa cho N quản lý USB Tuken truy cập vào phần mềm quản lý thuế để hạch toán báo cáo thuế theo quy định. Năm 2025 công ty đã kê khai doanh thu hàng hóa dịch vụ với Cơ quan thuế là 4.972.981.996 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã Trưng cầu Thuế tỉnh Thanh Hóa giám định thiệt hại về thuế. Tại Kết luận giám định ngày 12/5/2026 của Giám định viên Thuế tỉnh T xác định Công ty L có hành vi trốn thuế giá trị gia tăng (GTGT)

và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) với tổng số tiền là **364.200.480** đồng; cụ thể:

- Trốn thuế GTGT năm 2023 số tiền 55.772.727 đồng; năm 2024 số tiền 197.015.007 đồng; quý 1/2025 số tiền 6.363.636 đồng. Tổng số thuế GTGT trốn là 259.151.370 đồng.

- Trốn thuế TNDN năm 2023 số tiền 59.159.855 đồng; năm 2024 số tiền 45.889.255 đồng. Tổng số thuế TNDN trốn là 105.049.110 đồng.

Vũ Hoàng P đã tự nguyện khắc phục hậu quả với số tiền là 364.200.500 đồng, hiện số tiền trên đang được quản lý tại tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh T chờ xử lý theo quy định.

* Việc thu giữ đồ vật, tài liệu và vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu thập các tài liệu về thuế, sao kê tài khoản Ngân hàng; các tài liệu trên được lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Hoàng P đã thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Đối với Nguyễn Viết D, Nguyễn Thị H là thành viên Hội đồng quản trị; Cao Xuân T2 là Giám đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty L được P nhờ đứng đại diện không trực tiếp điều hành hoạt động của công ty, không được Vũ Hoàng P bàn bạc thống nhất về việc theo dõi, thu chi tài chính, hạch toán báo cáo thuế nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Đối với các trợ lý Tổng giám đốc Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị M1 được Vũ Hoàng P chỉ đạo nhận tiền phí môi giới từ các nhân viên kinh doanh là Đầu chủ chuyển đến và chia hoa hồng theo tỷ lệ đã được quy định sẵn và báo cáo số liệu hàng ngày cho P. T1 và M1 chỉ là người làm công ăn lương không biết việc hạch toán kế toán, báo cáo thuế của công ty, không được bàn bạc về việc trốn thuế nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 152/CT-VKSTHA-P3 ngày 01/7/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Vũ Hoàng P về tội "Trốn thuế" theo điểm b khoản 2 Điều 200 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND khu vực 1 - Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo trong cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200. Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 BLHS.

Đề nghị xử phạt:

- Vũ Hoàng P số tiền từ 600.000.000 đồng đến 650.000.000 đồng

**Về vật chứng vụ án*: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập các tài liệu về thuế, sao kê tài khoản Ngân hàng. Các tài liệu trên là vật chứng vụ án cần lưu vào hồ sơ vụ án.

**Biện pháp tư pháp*:

Đối với số tiền **364.200.480** đồng là tiền trốn thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).Cụ thể:

- Trốn thuế GTGT năm 2023 số tiền 55.772.727 đồng; năm 2024 số tiền 197.015.007 đồng; quý 01/2025 số tiền 6.363.636 đồng. Tổng số thuế GTGT trốn là 259.151.370 đồng.

- Trốn thuế TNDN năm 2023 số tiền 59.159.855đồng; Năm 2024 số tiền 45.889.255 đồng. Tổng số thuế TNDN trốn là 105.049.110 đồng.

Số tiền trên là tiền thu lời bất chính cần truy thu của bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra Vũ Hoàng P đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 364.200.500 đồng. Số tiền trên hiện đang quy trữ tại tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh T cần tịch thu số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì; lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được phạt tiền là hình phạt chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; Trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp**.**

[2]*Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận*: Công ty L có địa chỉ tại số 88+89 đường T, phường Q, tỉnh Thanh Hóa. Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi giới bất động sản. Từ năm 2023 đến đầu năm 2025, Vũ Hoàng P - Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động của công ty đã chỉ đạo các nhân viên kinh doanh bất động sản, khi thu phí môi giới bất động sản nhân viên kinh doanh là các Đầu chủ phải chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của trợ lý Tổng giám đốc Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị M1 mà không chuyển tiền vào tài khoản của Công ty L, nhằm không xuất hóa đơn, kê khai báo cáo thuế theo quy định, bỏ doanh thu ngoài sổ sách kế toán với số tiền 2.875.500.000 đồng. Kết quả giám định thuế xác định Công ty L trốn thuế với số tiền là 364.200.480 đồng (trong đó: Trốn thuế GTGT là 259.151.370 đồng, trốn thuế TNDN là 105.049.110 đồng).

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận bị cáo Vũ Hoàng P phạm tội: Trốn thuế. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi Trốn thuế của Vũ Hoàng P là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quy định, chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước trong việc quản lý thu nộp ngân sách Nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Bị cáo không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện bản thân, muốn làm giàu nhanh bằng con đường làm ăn phi pháp trốn thuế của Nhà nước. Bị cáo Trốn thuế của Nhà nước nhằm mục đích thu lợi bất chính; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+*Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+*Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại số tiền trốn thuế cho Nhà nước. Mặt khác trong quá trình lao động và học tập bị cáo có nhiều thành tích được tặng thưởng nhiều giấy khen nên áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác bị cáo có nhà, đất tại địa chỉ: Lô A MBQH H, phường Q, tỉnh Thanh Hóa. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE600516, số vào sổ cấp GCN: C503235 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 27/5/2022 mang tên ông Hoàng Xuân H1, bà Nguyễn Thị T3. Ngày 25/10/2023 chuyển nhượng lại cho Vũ Hoàng P, Nguyễn Thị H. Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/10/2023 tại Văn Phòng Công chứng Đ, số công chứng 2552, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6]*Vật chứng vụ án*: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập các tài liệu về thuế, sao kê tài khoản Ngân hàng. Các tài liệu trên là vật chứng vụ án cần lưu vào hồ sơ vụ án là phù hợp.

[7]*Biện pháp tư pháp*: Đối với số tiền **364.200.480** đồng là tiền trốn thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).Cụ thể:

- Trốn thuế GTGT năm 2023 số tiền 55.772.727 đồng; năm 2024 số tiền 197.015.007 đồng; quý 01/2025 số tiền 6.363.636 đồng. Tổng số thuế GTGT trốn là 259.151.370 đồng.

- Trốn thuế TNDN năm 2023 số tiền 59.159.855 đồng; năm 2024 số tiền 45.889.255 đồng. Tổng số thuế TNDN trốn là 105.049.110 đồng.

Số tiền trên là tiền thu lời bất chính cần truy thu của bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo Vũ Hoàng P đã tự nguyện khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền 364.200.500 đồng, hiện đang quy trữ tại tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh T cần tịch thu số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật.

[8]*Án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200 ; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

*Tuyên bố***:** Bị cáo Vũ Hoàng P phạm tội "Trốn thuế".

*Xử phạt***:** Vũ Hoàng P 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

**Vật chứng vụ án*: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập các tài liệu về thuế, sao kê tài khoản Ngân hàng. Các tài liệu trên là vật chứng vụ án cần lưu vào hồ sơ vụ án.

**Biện pháp tư pháp*: Tịch thu của bị cáo Vũ Hoàng P số tiền 364.200.500đồng hiện đang quy trữ tại tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh T để nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật.

-Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

Buộc bị cáo Vũ Hoàng P phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Cơ quan Thuế cơ sở 1 tỉnh Thanh Hoá có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND KV1 - Thanh Hóa;
- VPCSĐT CA tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Lý

TAND KHU VỰC 1
MQ0280826.TL.QDBA 2274